

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của
chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án đối với các dự án do
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đầu tư**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án đối với các dự án do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2605/QĐ-GTVT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án đối với các dự án do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng, Cục trưởng các Cục và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Các Ban QLDA trực thuộc Bộ;
- Các Sở GTVT;
- Lưu VT, KHĐT (06).



Trưởng Quang Nghĩa

**Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của
chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 298/QĐ-BGTVT ngày 22/9/2016)

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án (Ban QLDA) được Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư/Ban QLDA hoặc đại diện Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (CQNNCTQ) các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) do Bộ GTVT quản lý đầu tư.

Điều 2. Mục tiêu của việc đánh giá

1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm nhằm xác định năng lực thực hiện quản lý dự án của chủ đầu tư/Ban QLDA hoặc đại diện CQNNCTQ. Từ kết quả này, phân loại theo 4 nhóm: A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ), B (Hoàn thành nhiệm vụ); C (Chưa hoàn thành nhiệm vụ); D (Năng lực yếu).

2. Kết quả đánh giá, phân loại sẽ được Bộ GTVT tham khảo để xem xét, quyết định trước khi giao nhiệm vụ hoặc đánh giá năng lực người đứng đầu, Ban Lãnh đạo của chủ đầu tư, của Ban QLDA hoặc quyết định xử lý nếu cần thiết.

3. Đối với chủ đầu tư, Ban QLDA, kết quả đánh giá là thước đo để có biện pháp điều chỉnh nhằm phát huy kết quả tốt, hạn chế và khắc phục những thiếu sót để các dự án được thực hiện với chất lượng, tiến độ tốt hơn.

Điều 3. Đơn vị thực hiện đánh giá:

1. Các chủ đầu tư hoặc Ban QLDA phải tự đánh giá và báo cáo gửi về Bộ GTVT theo Phụ lục số 1 (vốn nhà nước) và Phụ lục số 2 (vốn xã hội hóa) kèm theo.

Riêng các Ban QLDA thuộc Bộ và các Ban QLDA thuộc Tổng cục, Cục chuyên ngành sẽ đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ đối với cả các dự án do Bộ GTVT giao nhiệm vụ và cả các dự án do Tổng cục, Cục chuyên ngành là chủ đầu tư.

2. Các đơn vị thực hiện đánh giá:

a) Vụ Kế hoạch - Đầu tư thực hiện đánh giá giai đoạn chuẩn bị đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước và tổng hợp chung quá trình đánh giá;

b) Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công tư thực hiện đánh giá giai đoạn chuẩn bị đầu tư các dự án sử dụng vốn xã hội hóa;

b) Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông chủ trì phối hợp với các Vụ An toàn giao thông, Khoa học công nghệ, Môi trường đánh giá giai đoạn thực hiện đầu tư;

c) Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông đánh giá giai đoạn vận hành, khai thác;

d) Vụ Tài chính đánh giá giai đoạn quyết toán dự án hoàn thành.

e) Thanh tra Bộ đánh giá các nội dung liên quan đến kết luận của các cơ quan Kiểm toán, Thanh tra các dự án do các chủ đầu tư, Ban QLDA quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện đánh giá, tùy theo tình hình, Bộ GTVT có thể thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các Chủ đầu tư, Ban QLDA do một Thứ trưởng làm chủ tịch.

Điều 4. Tiêu chí và thang điểm đánh giá:

1. Mỗi dự án đánh giá theo các giai đoạn: chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, quyết toán công trình, vận hành khai thác.

Dự án được đánh giá là các dự án đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư cho đến khi quyết toán dự án hoàn thành. Các dự án đang trong giai đoạn lập dự án hoặc đã phê duyệt dự án nhưng chưa bố trí vốn hoặc đã quyết toán dự án, hết thời hạn bảo hành 3 năm sẽ không kê khai để đánh giá.

2. Tiêu chí và thang điểm cụ thể theo Phụ lục số 1 và số 2 kèm theo Quy định này. Các cơ quan được giao nhiệm vụ đánh giá tại Điều 3 có trách nhiệm tiến hành đánh giá từng chủ đầu tư/Ban QLDA và đưa ra kết quả đánh giá điểm trung bình để tổng hợp.

3. Điểm đánh giá của mỗi chủ đầu tư/Ban QLDA là số điểm lỗi trung bình của các dự án do đơn vị đó quản lý. Đối với các đơn vị được giao nhiệm vụ đại diện Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi tính điểm dự án sẽ nhân hệ số 0,6 để tính điểm trung bình.

Điều 5. Phân loại chủ đầu tư:

- Căn cứ điểm lỗi trung bình nêu trên, các chủ đầu tư/Ban QLDA được xếp hạng thành các nhóm như sau:

Nhóm A - Hoàn thành tốt nhiệm vụ có số điểm lỗi trung bình từ 0-10 điểm;

Nhóm B - Hoàn thành nhiệm vụ có số điểm lỗi trung bình từ 11-25 điểm;

Nhóm C - Chưa hoàn thành nhiệm vụ có số điểm lỗi trung bình từ 25-50 điểm;

Nhóm D - Năng lực yếu có số điểm lỗi trung bình > 50 điểm.

- Chủ đầu tư/Ban QLDA có 01 dự án loại C trở lên sẽ chỉ được xếp hạng tối đa là hạng B; trường hợp có > 2 dự án nhóm C sẽ bị xếp loại C - Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

- Chủ đầu tư/Ban QLDA có dự án bị xảy ra sự cố do nguyên nhân chủ quan dẫn đến công trình chính hoặc một bộ phận của công trình chính bị sập đổ hoặc gây hỏng ảnh hưởng đến khả năng an toàn của công trình, chủ đầu tư/Ban QLDA sẽ bị xếp loại C mà không cần đánh giá theo các thang điểm đánh giá trong quyết định này.

Điều 6. Tổ chức đánh giá:

1. Bộ GTVT bắt đầu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các chủ đầu tư/Ban QLDA đối với các dự án thực hiện từ năm 2008 đến 2015 theo Quyết định số 2605/QĐ-BGTVT.

2. Đánh giá năm 2016 và định kỳ hàng năm tiếp theo:

a) Trước ngày 20 tháng 11 hàng năm, các chủ đầu tư/Ban QLDA báo cáo đánh giá quá trình triển khai các dự án được Bộ GTVT giao nhiệm vụ chủ đầu tư/Ban QLDA hoặc đại diện Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo các Phụ lục kèm theo Quy định này gửi về Bộ GTVT (qua Vụ Kế hoạch - Đầu tư).

b) Tuần đầu của tháng 12 hàng năm, Vụ Kế hoạch - Đầu tư chủ trì lấy ý kiến các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 3 kèm theo báo cáo của các chủ đầu tư/Ban QLDA.

c) Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, các cơ quan phải gửi kết quả đánh giá bằng văn bản về Vụ Kế hoạch - Đầu tư để tổng hợp.

d) Vụ Kế hoạch - Đầu tư tổng hợp đánh giá, xếp loại và báo cáo Bộ GTVT trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

3. Quy trình đánh giá:

a) Các chủ đầu tư/Ban QLDA gửi báo cáo đánh giá quá trình triển khai các dự án gửi Bộ GTVT (qua Vụ Kế hoạch - Đầu tư).

b) Vụ Kế hoạch - Đầu tư tổng hợp báo cáo đánh giá quá trình triển khai các dự án của các chủ đầu tư/Ban QLDA và gửi các đơn vị thực hiện đánh giá đã nêu tại điểm a khoản 2 Điều 3.

c) Vụ Kế hoạch – Đầu tư tổng hợp kết quả đánh giá của các đơn vị và lập báo cáo tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định (hoặc thông qua Hội đồng đánh giá chủ đầu tư/Ban QLDA nếu được thành lập).

d) Quá trình đánh giá chủ có mời các chủ đầu tư/Ban QLDA để làm rõ các nội dung liên quan.

Điều 7. Công bố và sử dụng kết quả đánh giá:

1. Vụ Kế hoạch - Đầu tư phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin đăng tải kết quả đánh giá thực hiện nhiệm vụ của các chủ đầu tư/Ban QLDA trên trang Thông tin điện tử của Bộ GTVT.

2. Kết quả đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ là một trong các tiêu chí để quyết định giao chủ đầu tư/Ban QLDA, thay thế chủ đầu tư/Ban QLDA; xem xét danh hiệu thi đua tập thể của các chủ đầu tư/Ban QLDA; đánh giá năng lực cán bộ Lãnh đạo điều hành dự án (cấp trưởng, cấp phó đơn vị phụ trách).

Điều 8. Xử lý vi phạm:

- Các đơn vị nộp chậm sẽ chỉ được tối đa loại B. Các đơn vị không báo cáo, đánh giá quá trình triển khai dự án theo quy định sẽ bị xếp vào loại C – Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

- Các đơn vị kê khai thiếu dự án, nếu bị phát hiện sẽ chỉ được tối đa loại B hoặc bị trừ đi một bậc xếp hạng.

PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư, Ban QLDA các dự án sử dụng vốn Nhà nước

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối	Cơ quan đánh giá	Ghi chú
I	Giai đoạn CĐT	Max = 20	Vụ KHDT, Thanh tra Bộ	
1	Chất lượng dự án (tiêu chính dự án/tổng mức đầu tư (TMĐT))	Max=10	Vụ KHDT	
	- Không phải điều chỉnh dự án, TMĐT hoặc điều chỉnh do nguyên nhân bất khả kháng, khách quan.	0		Giai đoạn này chỉ đánh giá chất lượng, không đánh giá tiền độ do có rất nhiều yếu tố khách quan ảnh hưởng tiền độ
	- Điều chỉnh do nguyên nhân chủ quan, tăng TMĐT ≤ 5%.	1-2		
	- Điều chỉnh do nguyên nhân chủ quan, tăng TMĐT ≤ 20%.	3-5		
	- Điều chỉnh do nguyên nhân chủ quan, tăng TMĐT ≥ 30%.	6-10		
2	Công tác giải ngân	Max = 4	Vụ KHDT	
	- Tuân thủ đúng quy định, giải ngân hoàn thành các kế hoạch năm	0		
	- Không hoàn thành kế hoạch năm hoặc chưa tuân thủ quy định về công tác giải ngân.	1-2		Đánh giá theo kế hoạch giải ngân được Bộ GTVT giao đầu năm
	- Không hoàn thành kế hoạch năm và chưa tuân thủ quy định về công tác giải ngân.	3-4		
3	Tuân thủ trình tự XDCB:	Max = 6		
	- Các Cục, Vụ hoặc thông báo của lãnh đạo Bộ đánh giá cẩn rút kinh nghiệm.	1-2	Vụ KHDT	Đánh giá theo các văn bản nhắc nhở của các Vụ, lãnh đạo Bộ; Thông báo của lãnh đạo Bộ; Báo cáo giám sát đánh giá đầu tư
	- Các Cục, Vụ hoặc thông báo của lãnh đạo Bộ đánh giá cẩn rút kinh nghiệm.	2-3		
	- Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước đánh giá cẩn rút kinh nghiệm	4-5	Thanh tra Bộ	Đánh giá theo các kết luận thanh tra, kiểm toán trong năm thực hiện đánh giá.
	- Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước đánh giá cẩn xem xét xử lý trách nhiệm.	6		
II	Giai đoạn thực hiện đầu tư:	Max=50	Cục QLXD, Thanh tra Bộ	
I	Tiến độ lựa chọn nhà thầu:	Max = 5	Cục QLXD	Tuy thuộc số lần điều chỉnh và thời gian điều chỉnh để cho điểm
	- Đúng kế hoạch đấu thầu được phê duyệt	0		
	- Phải điều chỉnh kế hoạch đấu thầu	1-5		
2	Tiến độ thi công công trình	Max = 10		
	+ Dự án hoàn thành đúng tiến độ theo hợp đồng	0		Yếu tố khách quan do một trong các nguyên nhân: GPMB, nguồn vốn bố trí chậm và các trường hợp
	+ Chậm tiến độ do yếu tố chủ quan < 10% thời gian hợp đồng.	1-3		
	+ Chậm tiến độ do yếu tố chủ quan < 25% thời gian hợp đồng.	3-4		

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối	Cơ quan đánh giá	Chi chú
	+ Chậm tiến độ do yếu tố chủ quan < 50% thời gian hợp đồng. + Chậm tiến độ do yếu tố chủ quan ≥ 50% thời gian hợp đồng.	5-7 8-10		Bất khả kháng khác. Yếu tố chủ quan là các yếu tố còn lại.
3	<i>Chất lượng dự án</i>	<i>Max = 10</i>	<i>Cục QLXD, Thanh tra Bộ</i>	
	+ Cơ quan của Bộ có ý kiến về vi phạm chất lượng, biện pháp tổ chức thi công.... + Lãnh đạo Bộ có thông báo, văn bản nhắc về vi phạm chất lượng, tổ chức thi công.... + Các cơ quan Thanh tra, kiểm toán, điều tra có kết luận vi phạm về chất lượng...	1-3		Tren cơ sở số lần vi phạm, tính chất vi phạm để xem xét cho điểm.
4	<i>Lỗi kỹ thuật của công trình:</i> - Không xảy ra lỗi kỹ thuật của công trình. - Xảy ra lỗi kỹ thuật công trình.	4-6 0 1-5	<i>Cục QLXD</i>	Lỗi kỹ thuật là để xảy ra các sửa chữa kỹ thuật thông thường, ảnh hưởng không lớn đến tiến độ, chất lượng, an toàn công trình
5	<i>Đảm bảo giao thông, an toàn lao động, môi trường, an ninh trật tự công trường</i>	<i>Max = 5</i>	<i>Cục QLXD</i>	Tùy theo mức độ vi phạm các yêu tố quy định để đánh giá
	+ Thực hiện tốt đảm bảo giao thông, ATTB, môi trường, an ninh trật tự công trường + Có xây ra ụn tắc, không đảm bảo ATTB, môi trường, mất an ninh trật tự công trường + Xảy ra tai nạn gây thương tích về người; mất an toàn nghiêm trọng về môi trường	0		
6	<i>Tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB)</i>	<i>Max = 5</i>	<i>Cục QLXD, Thanh tra Bộ</i>	Đánh giá trên cơ sở các văn bản nhắc nhở trong năm của Cục, Vụ và các kết luận KTTNN, Thanh tra
	- Cấp có thẩm quyền, các Cục, Vụ đánh giá có tuân thủ. - Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, các Cục, Vụ đánh giá cần rút kinh nghiệm. - Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, các Cục, Vụ đánh giá cần xem xét xử lý trách nhiệm.	0 1-3 4-5		
7	<i>Phối hợp với các cơ quan hữu quan:</i> - Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB)	<i>Max=10</i> <i>Max=5</i>	<i>Cục QLXD</i>	Tùy thuộc tình hình tiến độ GPMB của dự án để đánh giá
	- Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, công tác GPMB đảm bảo tiến độ dự án. - Chưa phối hợp tốt với địa phương, các đơn vị liên quan đến dự án, làm chậm GPMB. - Chưa phối hợp tốt với địa phương, các đơn vị liên quan, chậm GPMB và có văn bản nhắc nhở.	0 1-3 4-5		
	- Công tác báo cáo giám sát đánh giá dự án đầu tư, báo cáo thông kê, các báo cáo định kỳ, đối xuôi, báo cáo do các cơ quan tham mưu của Bộ yêu cầu. + Báo cáo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng + Báo cáo chậm tiến độ, chưa đảm bảo chất lượng	<i>Max=5</i> 0 1-5	<i>Các Vụ liên quan</i>	Các cơ quan đánh giá đều có thể xem xét đánh giá mục này

STT	Chi tiêu đánh giá	Điểm lõi	Cơ quan đánh giá	Ghi chú
III	Công tác quyết toán và thực hiện kết luận thanh tra kiểm toán	Max=20	Vụ Tài chính, Thanh tra Bộ	
1	<i>Tiến độ quyết toán</i>			
	- Công tác trình duyệt quyết toán hoàn thành đúng tiến độ quy định.	Max=6	Vụ Tài chính	
	- Công tác trình duyệt quyết toán chậm < 6 tháng so với tiến độ quy định.	0		Tuy theo tiến độ trình duyệt, mức độ hoàn thành % giá trị quyết toán từng dự án, mức độ hoàn thành theo kế hoạch giao hàng năm của Bộ đê đánh giá
	- Công tác trình duyệt quyết toán chậm ≥ 6 tháng so với tiến độ quy định.	1-3		
		4-6		
2	<i>Xử lý các kết luận Kiểm toán nhà nước trong năm</i>	Max=7	Vụ Tài chính	
	- Tổng xíu lý tài chính/TMĐT (X%)	Max=4		
	+ Không bị kiến nghị xử lý	0		Danh giá theo các kết luận của kiểm toán Nhà nước.
	+ Bị kiến nghị xử lý X < 2%	0-1		
	+ Bị kiến nghị xử lý X < 4%	1-2		
	+ Bị kiến nghị xử lý X ≥ 4%	3-4		
	- Xử lý kiểm điểm trách nhiệm	Max = 1,5		
	+ Không có kiến nghị xử lý trách nhiệm	0		
	+ Có kiến nghị Ban QLDA kiêm điểm trách nhiệm	1		
	+ Có kiến nghị Bộ GTVT xử lý kiêm điểm trách nhiệm	1,5		
	- Kiến nghị về xíu lý công tác quản lý	Max = 1,5		
	+ Không có kiến nghị xử lý trách nhiệm	0		
	+ Có kiến nghị Ban QLDA kiêm điểm trách nhiệm	1		
	+ Có kiến nghị Bộ GTVT xử lý kiêm điểm trách nhiệm	1,5		
3	<i>Xử lý các kết luận Thanh tra trong năm</i>	Max=7	Thanh tra Bộ	
	- Tổng xíu lý về chi phí đầu tư TMĐT (X%)	Max=4		
	+ Không bị kiến nghị xử lý	0		Danh giá theo các kết luận của các cơ quan Thanh tra: Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ, Thanh tra của các Bộ ngành...
	+ Bị kiến nghị xử lý X < 2%	0-1		
	+ Bị kiến nghị xử lý X < 4%	1-2		
	+ Bị kiến nghị xử lý X ≥ 4%	3-4		
	- Xử lý kiểm điểm trách nhiệm	Max = 1,5		
	+ Không có kiến nghị xử lý trách nhiệm	0		
	+ Có kiến nghị Ban QLDA kiêm điểm trách nhiệm	1		

STT	Chi tiêu đánh giá	Điểm lỗi	Cơ quan đánh giá	Ghi chú
	+ Có kiến nghị Bộ GTVT xử lý kiểm điểm trách nhiệm	1,5 <i>Max = 1,5</i>		
	- Kiến nghị về công tác quản lý đầu tư xây dựng	0		
	+ Không có kiến nghị	1		
	+ Có kiến nghị Ban QLDA tự xử lý	1		
	+ Có kiến nghị Bộ GTVT xử lý	1,5 <i>Max=10</i>	Vụ KCHTRT	
IV	Giai đoạn vận hành, khai thác:			
<i>1</i>	<i>Trong thời gian bảo hành</i>	<i>Max = 6</i>		
	- Trong thời gian bảo hành, không phải sửa chữa.	0		
	- Trong thời gian bảo hành, cần phải sửa chữa do lý do khách quan.	1-2		
	- Trong thời gian bảo hành cần phải sửa chữa, giá trị sửa chữa $\leq 50\%$ giá trị bảo hành	3-4		
	- Trong thời gian bảo hành cần phải sửa chữa, giá trị sửa chữa $\geq 50\%$ giá trị bảo hành	5-6		
<i>2</i>	<i>Sau thời gian bảo hành, trong vòng 3 năm</i>	<i>Max = 4</i>		
	- Không phải sửa chữa	0		
	- Công trình phải sửa chữa nhỏ	1-2		
	- Công trình phải sửa chữa lớn	2-4		

PHỤ LỤC 2

Kết quả đánh giá thực hiện nhiệm vụ đại diện Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền các dự án PPP

STT	Chi tiêu đánh giá	Điểm lỗi	Cơ quan đánh giá	Ghi chú
I	Giai đoạn CBDT	Max = 30	Ban PPP, Thanh tra Bộ	
I	<i>Chất lượng dự án</i>	15	Ban PPP	
	- Không phải điều chỉnh dự án, tổng mức đầu tư (TMĐT) hoặc điều chỉnh do nguyên nhân bát khả kháng, nguyên nhân khách quan.	0		
	- Điều chỉnh do nguyên nhân chủ quan, tăng TMĐT $\leq 5\%$.	1-5		
	- Điều chỉnh do nguyên nhân chủ quan, tăng TMĐT $\leq 20\%$.	6-10		
	- Điều chỉnh do nguyên nhân chủ quan, tăng TMĐT $\geq 30\%$.	11-15		
2	<i>Lựa chọn nhà đầu tư</i>	5	Ban PPP	
	- Tuân thủ đúng quy định, đảm bảo theo kế hoạch được duyệt	0		
	- Lựa chọn nhà đầu tư chậm theo kế hoạch được duyệt	1-2		
	- Phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư hoặc chưa tuân thủ quy định về công tác lựa chọn nhà đầu tư	3-4		
3	<i>Tuân thủ trình tự xây dựng cơ bản:</i>	10		
	- Các Cục, Vụ đánh giá cần rút kinh nghiệm.	1-3		
	- Các Cục, Vụ đánh giá cần xử lý trách nhiệm.	4-6		
	- Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước đánh giá cần rút kinh nghiệm	7-8		
	- Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước đánh giá cần xem xét xử lý trách nhiệm.	9-10		
II	Giai đoạn thực hiện đầu tư:	Max=55	Cục QLXD, Thanh tra Bộ	
I	<i>Tiến độ công trình:</i>	5	Cục QLXD	
I.1	- Rà soát, phối hợp với nhà đầu tư trong lựa chọn nhà thầu:	5		
	+ Lựa chọn được các nhà thầu tham gia dự án có năng lực, đảm bảo yêu cầu	0		Căn cứ vào chất lượng thực hiện của nhà thầu thi công để tính điểm
	+ Lựa chọn nhà thầu tham gia dự án chưa đảm bảo năng lực, không tuân thủ quy định, làm ảnh hưởng tới chất lượng, tiến độ dự án	1-3		
I.2	<i>Đơn đốc tiến độ thi công công trình</i>	7		

STT	Chi tiêu đánh giá	Điểm lỗi	Cơ quan đánh giá	Ghi chú
	+ Dự án hoàn thành đúng tiến độ theo hợp đồng	0		
	+ Chậm tiến độ do yếu tố chủ quan < 10% thời gian hợp đồng.	1-2		Yếu tố khách quan do một trong các nguyên nhân: GPMB, nguồn vốn bố trí chậm và các trường hợp bất khả kháng khác. Yếu tố chủ quan là các yếu tố còn lại.
	+ Chậm tiến độ do yếu tố chủ quan < 25% thời gian hợp đồng.	3-4		
	+ Chậm tiến độ do yếu tố chủ quan < 50% thời gian hợp đồng.	5-6		
	+ Chậm tiến độ do yếu tố chủ quan ≥ 50% thời gian hợp đồng.	7		
2	<i>Chất lượng dự án liên quan đến trách nhiệm Ban QLDA</i>	8	<i>Cục QLXD, Thanh tra Bộ</i>	
	+ Cơ quan của Bộ có ý kiến về vi phạm chất lượng, biện pháp tổ chức thi công...	1-4		Trên cơ sở lùm vi phạm, tính chất vi phạm để xem xét cho điểm.
	+ Lãnh đạo Bộ có thông báo, văn bản nhắc về vi phạm chất lượng, thi công...	5-6		
	+ Các cơ quan Thanh tra, kiểm toán, điều tra có kết luận vi phạm về chất lượng...	7-8		
4	<i>Lỗi kỹ thuật của công trình:</i>	3	<i>Cục QLXD</i>	
	- Không xây ra lỗi kỹ thuật của công trình.	0		Lỗi kỹ thuật là để xảy ra các sự cố kỹ thuật thông thường, ảnh hưởng không lớn đến tiến độ, chất lượng, an toàn công trình
	- Xây ra lỗi kỹ thuật công trình.	1-3		
5	<i>Tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng cơ bản</i>	5	<i>Cục QLXD, Thanh tra Bộ</i>	
	- Cấp có thẩm quyền, các Cục, Vụ đánh giá có tuân thủ.	0		
	- Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, các Cục, Vụ đánh giá cần rút kinh nghiệm.	1-3		
	- Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, các Cục, Vụ đánh giá cần xem xét xử lý trách nhiệm.	4-5		
6	<i>Thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán sau thiết kế cơ sở</i>	5	<i>Cục QLXD</i>	
	- Thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán đảm bảo yêu cầu, không phải điều chỉnh trong quá trình thi công	0		
	- Hồ sơ thiết kế, dự toán phải điều chỉnh trong quá trình thi công	1-3		
	- Hồ sơ thiết kế, dự toán chưa đảm bảo yêu cầu, phải điều chỉnh trong quá trình thi công làm ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ công trình	4-5		
7	<i>Phối hợp với Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong công tác GPMB:</i>	5	<i>Cục QLXD</i>	
	+ Chủ động phối hợp tích cực với các cơ quan liên quan, công tác GPMB đảm bảo tiến độ dự án.	0		
	+ Chưa phối hợp tốt làm chậm GPMB.	1-3		
	+ Chưa phối hợp tốt, chậm GPMB và có văn bản nhắc nhở.	4-5		



STT	Chi tiêu đánh giá		Điểm lỗi	Cơ quan đánh giá	Ghi chú
8	<i>Quản lý giám sát hợp đồng</i>		7		
	- Quản lý giám sát hợp đồng chất chẽ, phù hợp quy định, kịp thời đôn đốc nhà đầu tư thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ trong hợp đồng	0			
	- Quản lý giám sát hợp đồng chưa chặt chẽ, chưa kịp thời đôn đốc nhà đầu tư thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng để các Cục, Vụ có ý kiến	1-3			
	- Quản lý giám sát hợp đồng chưa chặt chẽ, chưa kịp thời đôn đốc nhà đầu tư thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng để Lãnh đạo Bộ có ý kiến	4-7			
9	<i>Quản lý nguồn vốn hợp đồng</i>	5			
	- Quản lý nguồn vốn đảm bảo theo quy định và tiến độ của hợp đồng	0			
	- Nhà đầu tư huy động vốn chủ sở hữu, vốn vay chưa đảm bảo quy định, tiến độ hợp đồng	1-3			
	- Nhà đầu tư huy động vốn chủ sở hữu, vốn vay và thực hiện giải ngân chưa đảm bảo theo quy định, tiến độ hợp đồng	4-5			
10	<i>Công tác báo cáo giám sát đánh giá dự án đầu tư, báo cáo thông kê, các báo cáo định kỳ, đối xuất, báo cáo do các cơ quan tham mưu của Bộ yêu cầu.</i>	5		<i>Các Vụ liên quan</i>	
	+ Báo cáo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng	0			
	+ Báo cáo chậm tiến độ, chưa đảm bảo chất lượng	1-5			
III Giai đoạn quyết toán		Max=15		Vụ Tài chính	
	- Công tác trình duyệt quyết toán hoàn thành đúng tiến độ quy định.	0			
	- Công tác trình duyệt quyết toán chậm < 6 tháng so với tiến độ quy định.	1-7			
	- Công tác trình duyệt quyết toán chậm ≥ 6 tháng so với tiến độ quy định.	8-15			

NY^